TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **170/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Hồng Hải

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên toà: Ông Võ Cao Hoàng Ngọc – Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2020, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ-HPT ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1986; Địa chỉ thường trú: Lô C, Chung cư 109 Nguyễn Biểu, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Hoàng C, sinh năm 1985; Địa chỉ thường trú: Lô C, Chung cư 109 Nguyễn Biểu, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Lô B Chung cư Phan Văn Trị, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy Q (bà Q) trình bày:

Bà Q và ông Lê Hoàng C (ông C) tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 cấp ngày 24 tháng 3

năm 2010. Quá trình chung sống giữa bà Q và ông C có 01 (một) người con chung tên Lê Tuệ M (nữ), sinh ngày 29/11/2011.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, bà Q và ông C chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau đôi bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn hợp nhau về cách sống, không có tiếng nói chung, không hạnh phúc. Bà Q và ông C đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Từ thời điểm ly thân đến nay, bà Q cùng con gái sống tại Lô C, Chung cư 109 Nguyễn Biểu, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, mỗi người sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, bà Q đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông C để đôi bên ổn định cuộc sống.

Trường hợp ly hôn, người con chung tên Lê Tuệ M, bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Về tài sản chung, bà Q tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự chung: Bà Q tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, bà Q rút yêu cầu đối với ông C về việc cấp dưỡng nuôi con chung đồng thời xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 9 năm 2020 và tại phiên hòa giải vào ngày 15 tháng 02 năm 2022, bị đơn là ông Lê Hoàng C trình bày:

Ông C không đồng ý ly hôn với bà Q vì ông C muốn đoàn tụ với bà Q để cùng chăm sóc con.

Về con chung: Ông C xác định giữa ông C và bà Q có 01 (một) người con chung tên Lê Tuệ M (nữ), sinh ngày 29/11/2011. Trường hợp ly hôn, ông C đồng ý giao con chung tên Lê Tuệ M cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông C sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình.

Về tài sản chung, ông C tự khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự chung: Ông C tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà,

Bà Nguyễn Thị Thúy Q vắng mặt, đã có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt đề ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Ông Lê Hoàng C vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Các đương

sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa bà Q và ông C đã trầm trọng, đôi bên sống mỗi người một nơi không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy Q đối với ông Lê Hoàng C. Con chung là trẻ Lê Tuệ M (nữ), sinh ngày 29/11/2011 vợ chồng đã thống nhất giao cho mẹ là bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Q rút yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của bà Q. Về tài sản chung, bà Q và ông C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Vấn đề nợ chung các bên đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Bà Q chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thúy Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Hoàng C. Ông C hiện đang cư trú tại Lô B Chung cư Phan Văn Trị, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Cưỡng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt bà Q và ông C theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Lê Hoàng C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 cấp ngày 24 tháng 3 năm 2010. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông C là hợp pháp.

Xét vợ chồng bà Q và ông C ly thân đã lâu, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đôi bên hiện nay cũng đã có cuộc sống riêng, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông C là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Lê Hoàng C có 01 (một) người con chung là trẻ Lê Tuệ M (nữ), sinh ngày 29/11/2011. Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 9 năm 2020, ông C yêu cầu giải quyết về con chung theo nguyện vọng của trẻ Lê Tuệ M. Tại biên bản hòa giải ngày 15 tháng 02 năm

2022, ông C đồng ý giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xem xét giao trẻ Lê Tuệ M cho bà Nguyễn Thị Thu Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với ý chí, nguyện vọng của trẻ Lê Tuệ M và bà Q, ông C.

Tại đơn ngày 15 tháng 02 năm 2022, bà Q đã rút yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q đối với phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông C do bà Q không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Lê Hoàng C cùng khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Lê Hoàng C cùng khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Toà án không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy Q chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy Q:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị Thúy Q được ly hôn với ông Lê Hoàng C.

- Về con chung: Giao trẻ Lê Tuệ M (nữ), sinh ngày 29/11/2011 cho bà Nguyễn Thị Thúy Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Hoàng C do bà Q không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Lê Hoàng C cùng khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Lê Hoàng C cùng khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Toà án không xét.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy Q về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Lê Hoàng C do bà Q đã rút yêu cầu.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Thúy Q chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0036004 ngày 08/7/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thúy Q đã nộp đủ án phí theo đúng quy định pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thúy Q và ông Lê Hoàng C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- UBND xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 cấp ngày 24 tháng 3 năm 2010);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Bích